

**CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC XÂY DỰNG HOME 365**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC XÂY DỰNG HOME 365

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOME 365 CONSTRUCTION ARCHITECTURE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702991251

**3. Ngày thành lập:** 29/06/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 125/4/13 đường An Mỹ, tổ 27, khu phố 6, Phường Phú Mỹ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0901405789

Fax:

Email: home365design.co@gmail.com Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: -Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. - Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp. - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp. - Thiết kế công trình giao thông. - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng-công nghiệp. - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông. - Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đấu thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và lựa chọn nhà thầu; lập quy hoạch xây dựng; lập dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng; khảo sát xây dựng; thẩm tra thiết kế tổng dự toán công trình; lập dự toán; báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình dân dụng và công nghiệp, công trình giao thông. - Hoạt động kiến trúc. - Hoạt động đo đạc bản đồ. - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước. – Tư vấn thiết kế, giám sát, kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy. | 7110(Chính) |
| 2.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội ngoại thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7410        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4211        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4212        |
| 5.  | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: Làm sạch mặt bằng xây dựng; Vận chuyển đất, đào, san lấp mặt bằng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4312        |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4321        |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>Chi tiết: Xây dựng công trình cấp thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4322        |

|     |                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                           | 4933 |
| 9.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt thép; Bán buôn bán thành phẩm bằng sắt thép.               | 4662 |
| 10. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                  | 4663 |
| 11. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                        | 4101 |
| 12. | Xây dựng nhà không để ở<br>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.                                        | 4102 |
| 13. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                      | 4390 |
| 14. | Xây dựng công trình điện                                                                                                 | 4221 |
| 15. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước<br>Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi, hệ thống nước thải.                       | 4222 |
| 16. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                       | 4223 |
| 17. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                        | 4229 |
| 18. | Phá dỡ                                                                                                                   | 4311 |
| 19. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                           | 4329 |
| 20. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                           | 4330 |
| 21. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan<br>Chi tiết: Lắp đặt các thiết bị bảo đảm an toàn giao thông, sơn vạch giao thông. | 8130 |
| 22. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                   | 7710 |
| 23. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                           | 7730 |
| 24. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                 | 4291 |
| 25. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                          | 4292 |
| 26. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                    | 4293 |
| 27. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật                             | 4299 |
| 28. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                           | 2511 |
| 29. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                             | 2592 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐỖ ĐỨC NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc

Sinh ngày: 08/05/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: C8926064

Ngày cấp: 24/02/2020

Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh

Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố Phú Thịnh, Phường Hải Lĩnh, Thị xã Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 125/4/13 đường An Mỹ, tổ 27, khu phố 6, Phường Phú Mỹ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương